

Số: /QĐ-UBND

Thụy Hùng, ngày 15 tháng 3 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10/12/2025;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 75/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn quy định trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh do UBND xã, phường lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND huyện Văn Lãng về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Công văn số 989/SXD-QHKT ngày 13/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn về việc ý kiến về nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại báo cáo kết quả thẩm định số 103/BC-KT ngày 14/3/2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu: Bố trí quỹ đất đảm bảo quy mô đầu tư xây dựng Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã và Trụ sở Công an xã. Tạo cơ sở pháp lý cho việc lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Vị trí địa điểm, quy mô điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

2.1. Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở:

a) Vị trí, địa điểm:

- Vị trí: Tại thôn Bản Ánh (xã Thanh Long trước sáp nhập), được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc giáp khu đất rừng sản xuất.

+ Phía Tây giáp khu đất nông nghiệp.

+ Phía Đông giáp đường tỉnh ĐT.230 (Na Sầm - Na Hình).

+ Phía Nam giáp khu đất rừng tự nhiên thôn Đàng Van.

- Địa điểm: Thuộc khu đất rừng sản xuất, đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất ở mới tại nông thôn, đất sông ngòi, kênh rạch theo định hướng điều chỉnh quy hoạch chung xã Thanh Long (trước sáp nhập).

b) Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh chức năng sử dụng đất đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật phục vụ cho việc đầu tư xây dựng Trường Phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở.

c) Quy mô điều chỉnh: Quy mô diện tích điều chỉnh quy hoạch là 8ha.

d) Nội dung điều chỉnh cục bộ: Điều chỉnh một phần diện tích đất rừng sản xuất (44.600m<sup>2</sup>), đất trồng lúa (8.020m<sup>2</sup>), đất trồng cây hàng năm khác (2.450m<sup>2</sup>), đất trồng cây lâu năm (19.400m<sup>2</sup>), đất ở nông thôn (4.710m<sup>2</sup>), đất sông ngòi, kênh rạch (820m<sup>2</sup>) thành đất giáo dục (80.000m<sup>2</sup>).

2.2. Trụ sở Công an xã:

a) Vị trí, địa điểm:

- Vị trí: Nằm tại thôn Đàng Van (xã Thanh Long trước sáp nhập), được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc và phía Đông giáp khu đất rừng sản xuất.

+ Phía Nam giáp khu đất rừng sản xuất, cách đường vào UBND xã Thanh Long (trước sáp nhập) khoảng 100m.

+ Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 230.

- Địa điểm: Thuộc khu đất rừng sản xuất, đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm theo định hướng điều chỉnh quy hoạch chung xã Thanh Long (trước sáp nhập).

b) Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh chức năng sử dụng đất đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật phục vụ cho việc đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã Thụy Hùng.

c) Quy mô điều chỉnh: Quy mô diện tích điều chỉnh quy hoạch là 1,267 ha.

d) Nội dung điều chỉnh cục bộ: Điều chỉnh một phần diện tích đất rừng sản xuất (7.457m<sup>2</sup>), đất trồng lúa (1.756m<sup>2</sup>), đất trồng cây hàng năm khác (3.380m<sup>2</sup>), đất trồng cây lâu năm (77m<sup>2</sup>) thành đất an ninh (12.670m<sup>2</sup>).

*(cơ cấu sử dụng đất trước và sau điều chỉnh tại phụ lục 1 kèm theo)*

3. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND huyện Văn Lãng.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Phòng Kinh tế chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính đầy đủ, hợp lệ, chính xác của hồ sơ, số liệu và nội dung thẩm định trình phê duyệt tại Quyết định này. Cập nhật các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch vào các đồ án quy hoạch có liên quan.

2. Chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư dự án, các thôn có liên quan tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch; tổ chức quản lý và thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã và các Thủ trưởng đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- PVP HĐND và UBND xã;
- Trưởng thôn Đàng Van, Bản Ảnh;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phùng Quang Huy**

**Phụ lục 1:**  
**Cơ cấu sử dụng đất trước và sau điều chỉnh cục bộ**  
**Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 15/3/2026 của UBND xã Thụy Hùng)*

*Đơn vị tính: Ha*

STT	Loại Đất	Mã	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã phê duyệt tại QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	Quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh cục bộ	So sánh (+/-)	Ghi chú
	<b>Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)</b>		<b>3.883,8300</b>	<b>3.883,8300</b>	<b>0,0000</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>3.627,8100</b>	<b>3.619,0960</b>	<b>-8,7140</b>	
<b>1.1</b>	<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	<b>SXN</b>	<b>891,8700</b>	<b>888,3617</b>	<b>-3,5083</b>	
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	696,9300	695,3694	-1,5606	
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	292,8700	291,8924	-0,9776	Điều chỉnh một phần thành đất giáo dục và đất an ninh
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	404,0600	403,4770	-0,5830	Điều chỉnh một phần thành đất giáo dục và đất an ninh
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	194,9400	192,9923	-1,9477	Điều chỉnh một phần thành đất giáo dục và đất an ninh
<b>1.2</b>	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>LNP</b>	<b>2.718,3800</b>	<b>2.713,1743</b>	<b>-5,2057</b>	
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	2.164,1100	2.158,9043	-5,2057	Điều chỉnh một phần thành đất giáo dục và đất an ninh
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	554,2700	554,2700		
<b>1.3</b>	<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	<b>NTS</b>	<b>17,5600</b>	<b>17,5600</b>	<b>0,0000</b>	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>184,3200</b>	<b>193,0340</b>	<b>8,7140</b>	
<b>2.1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>OCT</b>	<b>31,3400</b>	<b>30,8690</b>	<b>-0,4710</b>	
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	31,3400	30,8690	-0,4710	

STT	Loại Đất	Mã	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã phê duyệt tại QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	Quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh cục bộ	So sánh (+/-)	Ghi chú
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,0000	0,0000		
<b>2.2</b>	<b>Đất chuyên dùng</b>	<b>CDG</b>	<b>122,4900</b>	<b>131,7570</b>	<b>9,2670</b>	
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,5400	0,5400		
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	25,1600	25,1600		
2.2.3	Đất an ninh	CAN	0,1500	1,4170	1,2670	Bổ sung đất an ninh, diện tích bổ sung lấy từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất rừng sản xuất
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	2,9600	2,9600		
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	5,7000	5,7000		
2.2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, thể thao, năng lượng, di tích lịch sử...)	DHT	87,9800	95,9800	8,0000	Bổ sung đất giáo dục, diện tích bổ sung lấy từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở mới tại nông thôn, đất sông suối kênh rạch và đất rừng sản xuất
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,1400	0,1400		
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	0,2200	0,2200		
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	29,5800	29,4980	-0,0820	Điều chỉnh một phần thành đất giáo dục
2.7	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,4200	0,4200		
2.8	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,0500	0,0500		
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,0800	0,0800		
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>71,7000</b>	<b>71,7000</b>		